TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2026/DS-ST
Ngày: 06/03/2026.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu

2. Bà Phạm Thị Thu Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Tòa án nhân dân thành Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 601/2025/DS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2026/QĐST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam); địa chỉ: I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Phan Tuyết L, sinh năm 2002; địa chỉ: P, Tầng D, Tòa nhà số G T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Luân V, sinh năm 1983; địa chỉ: số B T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 21/09/2023 Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T) ký Hợp đồng tín dụng số: 4924298 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho ông Trần Luân V với khoản vay trị giá 21.540.000 đồng (giải ngân ngày 22/09/2023) mức lãi suất: 50%/năm. Sau khi ký kết, Công ty T đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho ông Trần Luân V. Theo Hợp đồng tín dụng,

ông Trần Luân V có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 30 tháng kể từ ngày 25/10/2023 đến ngày 25/03/2026.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân, từ ngày 29/10/2024 ông Trần Luân V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay mà phía Công ty T đã giải ngân.

Công ty T đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị ông Trần Luân V thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty T cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho ông Trần Luân V biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, ông Trần Luân V vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T.

Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng thì ông Trần Luân V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, cụ thể là không thanh toán đúng hạn số tiền theo quy định của Hợp đồng tín dụng ký kết với Công ty T.

Tính đến ngày 06/03/2026, ông Trần Luân V đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau: Nợ gốc: 21.540.000 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 9.314.087 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 6.530.788 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 798.997 đồng. Như vậy tính đến ngày 06/03/2026 tổng số tiền ông Trần Luân V phải tất toán (bao gồm dư nợ gốc, lãi) là: 38.183.872 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu một trăm tám mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi hai đồng).

Công ty T kính đề nghị Quý Toà xem xét giải quyết những vấn đề sau đây:

Buộc ông Trần Luân V thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T với tổng số tiền (bao gồm dư nợ gốc còn lại của khoản vay, lãi) tạm tính đến ngày 06/03/2026 là: 38.183.872 đồng (trong đó số dư nợ gốc là 21.540.000 đồng, số tiến lãi trong hạn chưa thanh toán là 9.314.087 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 6.530.788 đồng và số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán là 798.997 đồng). Đồng thời thanh toán lãi phát sinh từ ngày 07/03/2026 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay nói trên.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng; Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng; Phiếu báo nợ; Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4924298 ngày 18/09/2023; CCCD Trần Luân V; Danh sách khách hàng ủy quyền; Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư; Giấy ủy quyền số 22 ngày 17/04/2025; Giấy ủy quyền ngày 01/08/2025; CCCD Phan Tuyết L; Công văn số 33 ngày 29/12/2023; Công văn số 162 ngày 02/4/2024; Giấy đăng ký doanh nghiệp; Giấy phép thành lập doanh nghiệp; Đơn tường trình; Giấy chứng nhận quyền sử dụng chứng thư số FPT CA; Hợp đồng đối tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA; Điều lệ Công ty T (Việt Nam); Bảng tính lãi trong vụ tranh chấp tính đến ngày 06/03/2026; Chứng nhận bảo hiểm tai nạn nhóm người vay số MAFC/TNNNV/20230923/00124789.

Bị đơn ông Trần Luân V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông Trần Luân V đều vắng mặt không rõ lý do, không chấp hành và không có phản hồi gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng, trường hợp không thanh toán được thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp nên quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn có địa chỉ tại số B T, T, thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ chứng minh hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 4924298 ngày 18/09/2023. Các bên tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí tự nguyện của các bên; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 112 của Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng N; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy các hợp đồng nêu trên là hợp pháp nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông Trần Luân V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Tại khoản 4 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 là là tổ chức tín dụng phi ngân hàng, Công ty cho thuê tài chính là loại hình công ty tài chính có hoạt động chính là cho thuê tài chính theo quy định của Luật này.

Theo quy định tại Điều 91 và Điều 98 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010, nguyên đơn là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, nguyên đơn và bị đơn được quyền thỏa thuận lãi suất và phí cấp tín dụng theo quy định pháp luật. Như vậy thỏa thuận lãi suất giữa ngân hàng, bị đơn bà Trần Luân V là đúng quy định pháp luật. Từ ngày 29/10/2024, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 06/03/2026 là 38.183.872 đồng, trong đó số dư nợ gốc là 21.540.000 đồng, số tiến lãi trong hạn chưa thanh toán là 9.314.087 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 6.530.788 đồng và số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán là 798.997 đồng.

[3.2] Tiền lãi, lãi quá hạn tiếp tục được tính từ ngày 07/03/2026 cho đến ông Trần Luân V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký.

Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; các điều 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 318, Điều 320; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 90, Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Luân V.

- Buộc ông Trần Luân V thanh toán cho Công ty T số tiền tạm tính đến ngày 06/03/2026 là 38.183.872 đồng, trong đó số dư nợ gốc là 21.540.000 đồng, số tiến lãi trong hạn chưa thanh toán là 9.314.087 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán là 6.530.788 đồng và số tiền lãi chậm trả chưa thanh toán là 798.997 đồng.

Kể từ ngày 07/03/2026, ông Trần Luân V còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất do các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng theo quy định đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Luân V phải chịu 1.519.562 đồng. (Bằng chữ: một triệu năm trăm mười chín nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Trả lại cho Công ty T số tiền 757.281 đồng (Bằng chữ: bảy trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm tám mươi mốt đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024196 ngày 08/10/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 16 – thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hạnh